

DAY VÀ HỌC TÍCH HỢP NỘI DUNG MÔN HỌC VỚI TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Võ Thị Thanh Lý

Trường Đại Học Công Nghệ Thông Tin, Đại Học Quốc Gia T.P Hồ Chí Minh

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 14/7/2025

Ngày phản biện: 20/7/2025

Ngày duyệt đăng: 28/8/2025

*Tác giả chính:

lyvtt@uit.edu.vn

DOI:

<https://doi.org/10.70879/gZqdrUJTF>

Title:

Content and Language Integrated Learning (CLIL) at the University of Information Technology

Từ khóa:

Day và học tích hợp nội dung môn học với ngôn ngữ (CLIL), môi trường học tập, vai trò giảng viên, hoạt động định hướng nghề nghiệp

Keywords:

Content and Language Integrated Learning (CLIL), learning context, teachers' role, career-oriented activities

TÓM TẮT: *Tại trường Đại Học Công Nghệ Thông Tin, việc học tiếng Anh chuyên ngành diễn ra rất mạnh mẽ trong các lớp giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh. Thông qua các bảng hỏi khảo sát sinh viên và phỏng vấn với giảng viên, nghiên cứu xem xét tác động của các hoạt động giảng dạy/ học tập chuyên ngành bằng tiếng Anh lên việc học tiếng Anh chuyên ngành cũng như ảnh hưởng của giảng viên lên quá trình học tập này. Từ đó giúp giảng viên xác định hoạt động hiệu quả nhất trong giảng dạy để điều chỉnh phương pháp giảng dạy. Đồng thời, nghiên cứu cũng cho kết quả về các hoạt động ngoại khóa, hướng nghiệp nào tạo được động lực tích cực lên việc học tiếng Anh chuyên ngành của các em nhằm giúp nhà trường có những định hướng cho việc xây dựng chương trình giảng dạy và đào tạo giảng viên, hỗ trợ cho quá trình học tiếng Anh chuyên ngành của sinh viên, khắc phục lỗ hổng chương trình do chưa đủ nguồn lực mở các lớp tiếng Anh chuyên ngành.*

ABSTRACT: *At the University of Information Technology, English for Specific Purposes (ESP) learning is strongly emphasized in content courses taught in English. By analyzing student survey responses and lecturer interviews, the study examines the impact of teaching and learning activities in English instruction on ESP learning, as well as the role of lecturers on this process. The findings help lecturers identify the most effective activities in teaching and adjust their teaching methods accordingly. At the same time, the study also reveals that extracurricular and career-oriented activities create positive motivation for students' ESP learning, thereby providing the university with insights for curriculum design and teacher training to better support ESP learning. This also helps address curriculum gaps caused by limited resources for offering ESP courses.*

1. Giới thiệu vấn đề nghiên cứu

Tiếng Anh chuyên ngành rất quan trọng đối với sinh viên ngành công nghệ thông tin vì các em hầu như phải sử dụng mỗi ngày từ lúc còn đi học cho đến lúc đi làm. Tiếng Anh chuyên ngành cũng là một trong những điều chỉnh bổ sung của Đề Án Ngoại Ngữ Quốc Gia giai đoạn 2017-2025 được Bộ Giáo Dục và Đào Tạo trình Chính phủ và đã được thông qua. Cụ thể trong điều 1. QĐ 2080/QĐ-TTg của Thủ Tướng Chính Phủ đề cập đến việc

cần đẩy mạnh sử dụng ngoại ngữ để dạy các môn học khác như môn chuyên ngành. Ngành công nghệ thông tin là một trong những ngành có tốc độ cập nhật kiến thức nhanh nhất yêu cầu sinh viên phải tiếp cận kiến thức trực tiếp từ nguồn tiếng Anh. Đây cũng là thách thức cho việc mở các lớp tiếng Anh chuyên ngành công nghệ thông tin vì giáo trình rất nhanh lỗi thời so với kiến thức thực tế. Hơn nữa, Công Nghệ Thông Tin là tên gọi chung cho nhiều chuyên ngành khác nhau

như Khoa Học Máy Tính, Kỹ Thuật Phần Mềm, Hệ Thống Thông Tin, Trí Tuệ Nhân Tạo... Mỗi ngành lại có thuật ngữ, văn bản chuyên môn riêng đòi hỏi cơ sở giáo dục cần có giáo trình tiếng Anh chuyên ngành riêng cho từng ngành. Ngoài giáo trình, để xây dựng một lớp tiếng Anh chuyên ngành cho từng ngành công nghệ thông tin nhà trường phải hội đủ nguồn lực để xây dựng cộng tác chuyên môn giữa giảng viên tiếng Anh và giảng viên chuyên ngành, cung cấp thời gian nghiên cứu, xác định phương pháp giảng dạy, đánh giá và nguồn học liệu. Hiện nay nhà trường chưa mở được các lớp tiếng Anh chuyên ngành dành cho sinh viên chương trình đại trà vì chưa thể đáp ứng được các yêu cầu nêu trên và đây cũng là thực trạng tại nhiều trường Đại Học ở Việt Nam. Tuy nhiên thực tế tại trường Đại Học Công Nghệ Thông Tin việc học tiếng Anh chuyên ngành vẫn đang diễn ra thông qua các lớp chuyên ngành học bằng tiếng Anh và các hoạt động ngoại khoá. Do yêu cầu mạnh mẽ từ ngành học, từ yêu cầu của công việc tương lai, 5 trong 11 ngành học vẫn đang mở các lớp học chuyên ngành bằng tiếng Anh cho sinh viên từ năm hai trở lên, sau khi các em đạt trình độ B1 tiếng Anh tổng quát. Trong lúc nhà trường chưa thể tìm giải pháp cho bài toán mở lớp tiếng Anh chuyên ngành thì việc dạy học tích hợp nội dung và ngôn ngữ (CLIL) có thể là giải pháp thay thế. Vì vậy cần có những nghiên cứu xem xét việc dạy học tích hợp nội dung và ngôn ngữ (CLIL) có tác động như thế nào lên việc học tiếng Anh chuyên ngành nhằm rút ra các bài học kinh nghiệm và có những đề xuất kịp thời cho các bên liên quan.

Nghiên cứu này tập trung xem xét việc học tiếng Anh chuyên ngành của sinh viên tại Đại Học Công Nghệ Thông Tin tại các lớp chuyên ngành bằng tiếng Anh. Những hoạt động giảng dạy nào cung cấp kiến thức tiếng Anh chuyên ngành nhiều nhất cho các em, cũng như vai trò của giảng viên và nhà trường trong quá trình hỗ trợ sinh viên học tiếng Anh chuyên ngành.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Tiếng Anh là ngôn ngữ của công nghệ thông tin.

Graddol (2000) [8] cho rằng tiếng Anh là ngôn ngữ sử dụng trong phát triển khoa học và kỹ thuật, trong đổi mới kinh tế và quản lý, trong văn học và giải trí hiện đại. Tiếng Anh sử dụng rộng rãi trong lĩnh vực nghiên cứu, thông tin trên internet, trong xã hội và các mối quan hệ cá nhân. Tiếng Anh quan trọng với sinh viên Công Nghệ Thông Tin bởi vì tiếng Anh và máy tính được kết nối với nhau trong nhiều thập niên. Tiếng Anh là một phần của ngôn ngữ máy tính và khi máy tính phát triển, tiếng Anh cũng phát triển theo. Trong thế giới lập trình, Tiếng Anh được xem như là ngôn ngữ của viết mã và máy móc. Tiếng Anh sẽ tiếp tục phổ biến thông qua phần mềm và các sản phẩm kỹ thuật số cho dù không hạn chế sử dụng ngôn ngữ nào. Cũng theo Graddol (2000) [8] phần mềm ứng dụng được nghiên cứu và phát triển ở Mỹ, Châu Âu và Nhật Bản. Hiện nay hầu hết các thanh công cụ hiện đại đều sử dụng tiếng Anh. Hơn nữa, thông tin phần lớn trên các trang web bằng tiếng Anh. Tiếng Anh được sử dụng thống nhất trong khoa học kỹ thuật nhằm tránh việc hiểu thông tin không rõ ràng.

Theo Cumming (1995) [3] thì tiếng Anh là ngôn ngữ hàng đầu trong khoa học và kỹ thuật trên khắp thế giới. Tiếng Anh cũng được sử dụng chuyển tải phần lớn thông tin trên Internet. Johns & Dudley (1991) [9] nhận định tiếng Anh chuyên ngành là con đường của tương lai đưa Tiếng Anh ra toàn thế giới. Mọi bước phát triển trong cuộc sống đều phát sinh thuật ngữ chuyên ngành. Dạy tiếng Anh chuyên ngành, Paltridge & Starfield (2013) [18] cho thấy cần tập trung vào các kỹ năng trong những lĩnh vực nghiên cứu cụ thể, giúp tăng cường khả năng sử dụng tiếng Anh trong khuôn khổ cụ thể hoặc tăng cường kỹ năng nghề nghiệp của người lao động.

2.2. Vai trò của giảng viên với quá trình học tập của sinh viên được các nhà nghiên cứu đưa lên hàng đầu. Ví dụ, Dornyei (1994) [4] cho rằng giảng viên được xem là yếu tố mấu chốt tác động lên động lực học tập. Nghiên cứu của Liao, Chen, Chen, & Chang (2018) [14] và nghiên cứu của Schmidt và Watanabe (2001) [20] đã kết luận rằng kinh nghiệm giảng dạy và tạo động lực trong lớp học của giảng viên rất quan trọng bởi vì họ cần dẫn

dắt các hoạt động học tập và quyết định những chiến thuật thích hợp nhất với nhu cầu của sinh viên. Những nghiên cứu trước đây cũng cho thấy sức ảnh hưởng của phương pháp giảng dạy, phong cách và thái độ của giảng viên lên sinh viên. Nếu sinh viên không thích phương pháp giảng dạy của giảng viên họ có thể cảm thấy không muốn học và ngược lại, khi sinh viên cảm thấy thích thú họ sẽ nhiệt tình học tập hơn. Sinh viên học tập hiệu quả hơn nếu được tiếp xúc với các phương pháp sư phạm tiên tiến.

Một số nghiên cứu khác cũng nhấn mạnh giảng viên đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình học tập tiến bộ của sinh viên như Kristmanson, (2000) [11], Levine (2003) [12], Li (2003) [13], Myers, Martin và Mottet (2002) [17]. Myers và cộng sự (2002) [17] chỉ ra rằng sinh viên mong muốn giao tiếp và tham gia vào hoạt động học tập khi giáo viên nhiệt tình và quan tâm đến sinh viên. Nghiên cứu của Dörnyei and Csizer (1998) [6] đưa ra kết luận thái độ của giảng viên là công cụ đầy năng lực có thể tạo động lực trong lớp. Thái độ của giảng viên ảnh hưởng đến mức độ tham gia vào bài học. Do đó, giảng viên cần tạo ra bầu không khí tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Sự khuyến khích hỗ trợ từ giáo viên tác động tích cực lên quá trình của sinh viên vì các em không thấy lo lắng căng thẳng, theo Boyle (2000) [1]. White (2007) [22] cho biết trong lớp học giáo viên luôn tạo ra không khí ấm áp, an toàn, khuyến khích học viên, người học sẽ trở nên tự tin bày tỏ quan điểm và góc nhìn về những vấn đề khác nhau vì sinh viên cảm thấy an toàn. Thêm vào đó, phản hồi của giáo viên có ảnh hưởng mạnh mẽ lên việc học tập của sinh viên, có thể thúc đẩy động lực học tập của các em, từ Burner (2015) [2]. Điều đó có nghĩa là phản hồi cũng có thể mang đến ảnh hưởng tiêu cực khiến các em thụ động, do đó giảng viên cần thận trọng khi đưa ra phản hồi.

2.3. Bên cạnh vai trò của giảng viên, những hỗ trợ từ môi trường dạy và học cũng đóng một vai trò quan trọng đối với việc dạy và học tiếng Anh chuyên ngành. Dörnyei and Ushioda (2011) [7] cho biết trong khi các yếu tố bên trong như ước muốn, sự yêu thích đóng một vai trò quan trọng trong quá trình học tập

của sinh viên thì cũng cần phải kể đến vai trò của những yếu tố bên ngoài như phần thưởng, công việc và những sự khích lệ. Dörnyei (2005) [5] thảo luận thêm rằng động lực bên trong người học luôn cung cấp sự thỏa mãn và niềm vui để họ học hỏi qua việc hoàn thành các bài tập. Những yếu tố động lực bên ngoài cho người học sự hài lòng khi có được phần thưởng hoặc xin được một công việc. Shaheen, Murtaza & Saeed (2016) [21] thì khẳng định động lực học tập tiếng Anh của sinh viên mạnh mẽ khi họ xin được việc làm, có được địa vị xã hội và tiền bạc. Matsukawa & Tachibana (1996) [15] tiến hành nghiên cứu trên sinh viên Trung Quốc cho thấy mong muốn có được một công việc tốt và lương cao trong tương lai tác động lớn lên động lực học tiếng Anh. Tiếng Anh là bắt buộc với sinh viên nào muốn xin vào công ty quốc tế ở Trung Quốc hay muốn nâng cao khả năng cạnh tranh trong thị trường lao động toàn cầu.

Tại Việt Nam những nghiên cứu về dạy và học tiếng Anh chuyên ngành công nghệ thông tin còn rất ít, trong khi việc dạy và học tiếng Anh chuyên ngành CNTT rất cần những kết quả nghiên cứu nhằm hỗ trợ cho giảng viên và sinh viên tại các trường đại học. Nghiên cứu này được tiến hành để tìm hiểu việc dạy và học tiếng Anh chuyên ngành tại một trường Đại Học chuyên ngành Công Nghệ Thông Tin ở Việt Nam góp thêm một góc nhìn nhận về vấn đề đang được quan tâm này.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1 Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp hỗn hợp, bao gồm định lượng và định tính thông qua phỏng vấn và bảng hỏi. Phương pháp định tính (phỏng vấn) và phương pháp định lượng (bảng hỏi) là hai phương pháp bổ sung cho nhau để có được số liệu cũng như thông tin cụ thể chi tiết về vấn đề cần nghiên cứu. Nghiên cứu được thiết kế để trả lời câu hỏi:

1. Sinh viên ngành Công nghệ thông tin học tiếng Anh chuyên ngành như thế nào?

2. Vai trò của giáo viên và nhà trường trong việc tăng cường động lực học tiếng Anh chuyên ngành cho sinh viên CNTT như thế nào?

Nghiên cứu này được tiến hành ở Đại Học Công Nghệ Thông Tin, Đại Học Quốc Gia tp. HCM. Nghiên cứu được tiến hành hai giai đoạn. Đầu tiên, người viết tiến hành nhiều cuộc phỏng vấn với sinh viên và giảng viên để có cái nhìn tổng quan và động lực học tiếng Anh chuyên ngành tại Đại Học Công Nghệ Thông Tin. Tiếp theo, người viết thiết kế bảng câu hỏi trên google form, chia nội dung làm hai phần. Các câu hỏi trong bảng hỏi được thiết kế để lấy số liệu với hai phần theo 5 cấp độ của thang đo Likert. Bảng hỏi được gửi đến 4 lớp chuyên ngành học bằng tiếng Anh khóa 2023-24, mỗi lớp khoảng 40 sinh viên và nhận được phản hồi của 115 sinh viên. Các sinh viên tham gia vào nghiên cứu là sinh viên năm 2 hoặc 3 và để có thể tham gia được các lớp chuyên ngành bằng tiếng Anh, sinh viên phải đạt trình độ B1 theo yêu cầu của nhà trường.

Nghiên cứu cũng phỏng vấn 8 giảng viên đã hoặc đang tham gia giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh. Cuộc phỏng vấn xoay quanh các câu hỏi về hoạt động giảng dạy, hoạt động hỗ trợ và những đề nghị của giảng viên với công tác giảng dạy.

Tất cả phản hồi này đều trả lời trực tiếp trên google form và đã được tải về phục vụ cho công tác nghiên cứu. Các dữ liệu được xử lý trên file Excel để xem xét việc dạy và học tiếng Anh chuyên ngành trong các lớp học chuyên ngành bằng tiếng Anh. Hơn nữa, người viết bài cũng có những cuộc phỏng vấn sâu hơn với giảng viên để làm rõ một số thông tin.

Bảng hỏi được thiết kế theo hai phần: (1) Mức độ tiếp thu tiếng Anh chuyên ngành qua hoạt động giảng dạy/ học tập trong và ngoài lớp. (2) Tác động của giảng viên lên quá trình học tiếng Anh chuyên ngành của sinh viên.

3.2. Kết quả khảo sát

3.2.1. Mức độ tiếp thu tiếng Anh chuyên ngành qua hoạt động giảng dạy/ học tập trong và ngoài lớp.

Kết quả của bảng 1 cho thấy, hoạt động giảng dạy được thiết kế càng thực tế thì sinh viên càng hào hứng. Các em không ngại tiếng Anh chuyên ngành khó nếu nó thực sự phục vụ cho công việc, với các chỉ số ghi nhận rất cao 4.13 cho việc đọc hiểu được sách chuyên môn và tài liệu tham khảo, 4.09 cho việc sử dụng công cụ phục vụ quá trình học tập và 4.07 vì tiếng Anh là ngôn ngữ cho lập trình, thiết kế và hiện thực các giải pháp bài tập. Sinh viên cũng cho biết học được nhiều tiếng từ ngữ tiếng Anh chuyên ngành khi “báo cáo các bài tập nhóm, đề án môn học bằng tiếng Anh” với 3.86 và các em cũng học tiếng Anh chuyên ngành khi “xem các video chuyên ngành bằng tiếng Anh trên internet” với chỉ số 3.85.

Kết quả cũng ghi nhận một số hoạt động học tập chưa được đánh giá cao. Trong đó “hoạt động để kiểm tra tiếng Anh chuyên ngành trong các buổi học” có chỉ số thấp nhất chỉ 2.85, tiếp theo là hoạt động “thảo luận, trình bày vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh” được 3.13. Sinh viên cho thấy động lực học tiếng Anh chuyên ngành thấp với những hoạt động học tập có tính chất bắt buộc, căng thẳng.

Bảng 1. Mức độ tiếp thu tiếng Anh chuyên ngành qua hoạt động giảng dạy/ học tập trong và ngoài lớp.

Hoạt động giảng dạy/ học tập tiếng Anh chuyên ngành trong và ngoài lớp	N=115	
	Mean	SD
Sinh viên được yêu cầu thường xuyên sử dụng tiếng Anh chuyên ngành trong lớp.	3.31	0.96
Sinh viên được yêu cầu thảo luận, trình bày vấn đề bằng tiếng Anh trong lớp.	3.13	0.97
Sinh viên báo cáo các bài tập nhóm, đề án môn học bằng tiếng Anh.	3.86	0.79
Sinh viên đọc tài liệu (sách, tài liệu tham khảo..) các môn chuyên ngành bằng tiếng Anh.	4.13	0.81
Sinh viên sử dụng các công cụ phục vụ quá trình học tập có giao diện bằng tiếng Anh.	4.09	0.86

Tiếng Anh là ngôn ngữ được sử dụng trong quá trình lập trình, thiết kế, hiện thực các giải pháp bài tập.	4.07	0.83
Sinh viên xem các video chuyên ngành bằng tiếng Anh trên internet.	3.85	0.96
Thầy/ cô tổ chức hoạt động để kiểm tra tiếng Anh chuyên ngành trong các buổi học.	2.85	1.00
Các seminar nghề nghiệp do các công ty tổ chức tại trường thúc đẩy sinh viên học tiếng Anh chuyên ngành.	4.00	0.93
Sinh viên nỗ lực học tiếng Anh chuyên ngành vì các công ty trong lĩnh vực IT thường yêu cầu hồ sơ tuyển dụng bằng tiếng Anh trong hội chợ việc làm do nhà trường tổ chức.	4.37	0.68
Sinh viên cố gắng học tiếng Anh chuyên ngành vì các công ty trong lĩnh vực IT thường phỏng vấn tuyển dụng bằng tiếng Anh trong hội chợ việc làm do nhà trường tổ chức.	4.15	0.74
Các chuyến đi thực tế tại các công ty cho thấy sự cần thiết phải học tiếng Anh chuyên ngành.	4.00	0.84

Những hoạt động định hướng nghề nghiệp của nhà trường ảnh hưởng lớn nhất đến quá trình học tập tiếng Anh chuyên ngành của sinh viên. Các em mong muốn được học tiếng Anh chuyên ngành vì các yếu tố rất thực tế, rất gần gũi với công việc tương lai. Sinh viên đã tìm hiểu các yêu cầu từ công ty và chính những yêu cầu này khuyến khích các em đầu tư cho tiếng Anh. Sinh viên cho thấy mức nhiệt tình với chỉ số 4,37 cho mục “các công ty trong lĩnh vực IT thường yêu cầu hồ sơ tuyển dụng bằng tiếng Anh” và 4,15 cho mục “công ty trong lĩnh vực IT thường phỏng vấn tuyển dụng bằng tiếng Anh”. Ngoài ra “các seminar nghề nghiệp do các công ty tổ chức tại trường thúc đẩy sinh viên học tiếng Anh chuyên ngành” và “các chuyến đi thực tế tại các công ty cho thấy sự cần thiết phải học tiếng Anh chuyên ngành” đều có chỉ số 4,0.

3.2.2. Tác động của giảng viên lên quá trình học tiếng Anh chuyên ngành của sinh viên.

Những tương tác tích cực giữa giảng viên và sinh viên nhận được phản hồi tốt từ các em. “Giảng viên không phê bình các lỗi của sinh viên khi sử dụng tiếng Anh chuyên ngành”

được đánh giá cao nhất với 3.92, cho thấy các em rất lo lắng phạm lỗi khi sử dụng tiếng Anh chuyên ngành. Giảng viên không phê bình các lỗi sai giúp các em học tốt hơn. Sinh viên cũng phản hồi tích cực khi được học với giảng viên thân thiện và quan tâm đến các em với chỉ số cao thứ hai là 3.85. Phản hồi tích cực của giảng viên khi sinh viên sử dụng tiếng Anh chuyên ngành cũng truyền động lực cho sinh viên với chỉ số là 3.82. Trong khi đó nhóm yếu tố tác động từ bản thân của giảng viên việc học tiếng Anh chuyên ngành của sinh viên nhận phản hồi không cao như nhóm yếu tố tương tác tích cực giữa giảng viên và sinh viên. Giảng viên phát âm tốt nhận được chỉ số 3,64, giảng viên nói tiếng Anh lưu loát 3,65. Đặc biệt khi so sánh giữa “giảng viên chia sẻ với sinh viên kinh nghiệm của bản thân trong việc học tiếng Anh chuyên ngành” có chỉ số 3,51 và “giảng viên chia sẻ các thông tin liên quan đến sự cần thiết của tiếng Anh chuyên ngành” với chỉ số 3,75, cho thấy sinh viên thích được biết những thông tin liên quan đến tiếng Anh chuyên ngành hơn là câu chuyện thành công của giảng viên.

Bảng 2. Tác động của giảng viên lên quá trình học tiếng Anh chuyên ngành của sinh viên.

Giảng viên	N=115	
	Mean	SD
Giảng viên phát âm tiếng Anh tốt.	3.64	0.93
Giảng viên là hình mẫu sử dụng tiếng Anh lưu loát.	3.65	0.90
Giảng viên thân thiện và quan tâm đến sinh viên.	3.85	0.80
Giảng viên hỏi đáp với sinh viên bằng tiếng Anh.	3.69	0.86

Giảng viên phản hồi tích cực khi sinh viên sử dụng tiếng Anh chuyên ngành.	3.82	0.91
Giảng viên không phê bình các lỗi của sinh viên khi sử dụng tiếng Anh chuyên ngành.	3.92	0.87
Giảng viên chia sẻ với sinh viên kinh nghiệm của bản thân trong việc học tiếng Anh chuyên ngành.	3.51	1.09
Giảng viên chia sẻ các thông tin liên quan đến sự cần thiết của tiếng Anh chuyên ngành.	3.75	0.98
Giảng viên kể những câu chuyện thực tế để động viên sinh viên học tiếng Anh chuyên ngành.	3.51	1.08
Giảng viên thường động viên sinh viên học tiếng Anh chuyên ngành.	3.79	0.95
Giảng viên cung cấp hỗ trợ kịp thời để sinh viên có thể hoàn thành bài tập chuyên ngành bằng tiếng Anh.	3.64	0.88

3.3. Kết quả phỏng vấn

Thông qua phỏng vấn, 8/8 giảng viên đều khẳng định tiếng Anh chuyên ngành rất cần thiết cho các em sinh viên trong chuyên ngành cũng như công việc tương lai và nhận thức vai trò quan trọng của mình trong việc động viên sinh viên học tập. Khi trả lời câu hỏi: “Thầy/ cô giúp sinh viên hiểu nhu cầu cần phải học tiếng Anh chuyên ngành như thế nào?”, các thầy cô đều đưa ra các phương án như: liên tục nhắc nhở, động viên sinh viên học tiếng Anh, thường xuyên trao đổi, chia sẻ trải nghiệm học tiếng Anh cho sinh viên, thường xuyên cung cấp thông tin về khác biệt về cơ hội giữa có và không có trình độ tiếng Anh.

8/8 giảng viên đều cho rằng tiếng Anh chuyên ngành có rất nhiều khái niệm, từ vựng mới và không thể dịch sang tiếng Việt, do vậy giảng viên cần cung cấp cơ hội sử dụng và kiến thức liên quan đến tiếng Anh chuyên ngành. Trả lời câu hỏi “Liệt kê một số hoạt động giảng dạy thầy/ cô thường tiến hành trong lớp để khuyến khích sinh viên tham gia học tiếng Anh chuyên ngành và sử dụng tiếng Anh chuyên ngành trong lớp.”, người viết nhận thấy một vài giảng viên giảng dạy chuyên môn bằng tiếng Anh khá sáng tạo trong các hoạt động nhằm tăng cường hỗ trợ tiếng Anh chuyên ngành cho sinh viên. Một số giảng viên áp dụng game hay các câu hỏi ngắn để kiểm tra từ vựng, một số giảng viên giải thích từ tiếng Anh chuyên ngành mới cho sinh viên.

Trả lời câu hỏi “thầy cô có đề nghị gì với việc giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành hiện

nay?”, các thầy cô đều mong muốn được tham gia vào các lớp tập huấn ngôn ngữ, phương pháp giảng dạy, tập huấn về tâm lý người học hoặc có cơ hội trao đổi với đồng nghiệp.

3.4. Thảo luận

Khảo sát cho thấy những hoạt động học tập càng thực tế càng gần gũi với công việc tương lai càng giúp các em thu hoạch được nhiều. Như vậy không phải chỉ có không khí thoải mái vui vẻ trong lớp giúp đẩy mạnh quá trình học tập mà chính những đòi hỏi từ thực tế công việc, cho dù những đòi hỏi này khiến các em phải vất vả, là những hoạt động khiến cho việc học tập tiếng Anh chuyên ngành của các em đạt hiệu quả. Hơn nữa, bảng 1 cũng cho thấy các hoạt động mang tính bắt buộc không được các em hưởng ứng mạnh mẽ bằng các hoạt động mà các em thấy cần thiết phải thực hiện. Các em cho biết học nhiều thuật ngữ chuyên ngành, cấu trúc câu tiếng Anh khi xem video chuyên ngành trên internet. Trong khi đó, những hoạt động như bài kiểm tra những cụm từ chuyên ngành sau mỗi buổi học gây áp lực và lo lắng.

Theo Sadler (1998) [19] phản hồi từ giảng viên được xem yếu tố ảnh hưởng nhất đến quá trình học tập và tiến bộ của sinh viên. Vậy nên thông tin phản hồi nên mang tính khuyến khích hơn là phê bình, phản hồi nên tích cực và không nên quá nhấn mạnh khuyết điểm của người học. Juwah và cộng sự (2004) [10] cũng chung nhận định, phản hồi của giảng viên tác động lên cảm xúc, thậm chí ảnh hưởng đến quá trình học của sinh viên. Kết quả từ bảng hỏi cũng cho thấy sinh viên đồng

ý cao với “giảng viên không phê bình các lỗi của sinh viên khi sử dụng tiếng Anh chuyên ngành” và “giảng viên phản hồi tích cực khi sinh viên sử dụng tiếng Anh chuyên ngành”. Việc không phê bình lỗi và cho phản hồi tích cực từ giảng viên sẽ giúp cho không khí lớp học thoải mái, các em sinh viên không ngại dùng tiếng Anh chuyên ngành biểu đạt ý kiến của mình. Để những lời khuyên và lời động viên học tập có đủ sức thuyết phục, chính thầy cô cũng phải là minh chứng cho việc rèn luyện ngôn ngữ thông qua việc phát âm tốt, sử dụng tiếng Anh lưu loát.

Những hoạt động liên quan đến nghề nghiệp tương lai của sinh viên có ảnh hưởng mạnh nhất đến việc học tập tiếng Anh chuyên ngành. McQuaid và Lindsay (2005) [16] dự báo vào năm 2050, một nửa dân số thế giới sẽ sử dụng tiếng Anh vì công việc và như vậy có thể nói ích lợi kinh tế có tác động mạnh mẽ lên việc học tiếng Anh. Nhằm tạo điều kiện cho sinh viên nhận thức thực tế công việc cũng như thúc đẩy việc học tiếng Anh chuyên ngành, các khoa của trường Đại Học Công Nghệ Thông Tin thường xuyên tổ chức seminar giữa sinh viên và các công ty, các chuyến đi thực tế đến các công ty cho tất cả sinh viên và một năm hai lần hội chợ việc làm ngay tại trường để các em gặp gỡ trực tiếp các nhà tuyển dụng. Qua seminar, các diễn giả từ công ty cũng giải thích cho sinh viên mức độ cần thiết của việc dùng tiếng Anh trong công việc chuyên môn. Những chuyến đi thực tế góp phần chứng minh cho sinh viên thấy mức độ hữu dụng của tiếng Anh chuyên ngành trong công việc hàng ngày. Một số công ty khi làm việc với sinh viên cho biết hiện tại 90 - 100% dự án của họ đều phải dùng đến tiếng Anh chuyên ngành. Kết quả từ những hoạt động này lên việc học tiếng Anh chuyên ngành của các em rất khả quan. Chính thực tế này thôi thúc các em sinh viên mong muốn đầu tư cho việc học tiếng Anh, không ngại khó khi tham gia vào các hoạt động học tập và cảm thấy hứng thú với việc tiếp xúc trực tiếp các nguồn tài liệu bằng tiếng Anh.

4. Kết luận

Nghiên cứu hiện nay chủ yếu tập trung vào việc học tiếng Anh chuyên ngành trong các lớp dạy tiếng Anh chuyên ngành. Trên thực tế

để mở được lớp tiếng Anh chuyên ngành đòi hỏi rất nhiều yếu tố mà rất nhiều trường Đại Học ở Việt Nam hiện nay chưa thể đáp ứng được. Bài viết này mong muốn giúp giảng viên, nhà quản lý trả lời được câu hỏi nếu không có lớp tiếng Anh chuyên ngành thì sinh viên học tiếng Anh chuyên ngành bằng cách nào, cũng như gợi ý những hỗ trợ hiệu quả cho công tác giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành trong lớp chuyên ngành học bằng tiếng Anh. Đồng thời bài viết cũng chỉ ra cho các cấp quản lý những giải pháp thiết thực có thể đầu tư nhằm thúc đẩy mạnh mẽ việc học tiếng Anh chuyên ngành cho sinh viên, trong bối cảnh nhà trường chưa thể xây dựng các lớp tiếng Anh chuyên ngành dành cho từng chuyên ngành.

Kết quả nghiên cứu này cũng đưa ra một số gợi ý cho giảng viên dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh thông qua việc thiết kế những bài tập gắn với thực tế công việc của chuyên ngành, tận dụng nguồn tiếng Anh chuyên ngành như video từ internet, các công cụ, giao diện từ thực tế để thiết kế bài tập cũng như tình huống trong môn học.

Cơ sở giáo dục nên tiếp tục duy trì tổ chức các seminar giữa sinh viên và các công ty cũng như các buổi tham quan các công ty cho tất cả sinh viên. Hội chợ việc làm được tổ chức ngay tại trường cũng là một hoạt động giúp cho việc học tập của các em rất lớn. Ngoài ra, các khoa cũng nên tăng cường các đề án hợp tác với các công ty và tạo điều kiện để các em sinh viên tiếp xúc với công việc thực tế. Chính nhờ những hoạt động hỗ trợ thiết thực này mà các em sinh viên được định hướng rõ ràng và không ngại khó khi học tiếng Anh chuyên ngành.

Tài liệu tham khảo

1. Boyle, J. (2000). *Education for teachers of English in China. Journal of Education for Teaching*, 26(2), 147–155.
2. Burner, T. (2015). Formative assessment of writing in English as a foreign language. *Scandinavian Journal of Educational Research*, 60(6), 626–648. <https://doi.org/10.1080/00313831.2015.1066430>
3. Cumming, J. D. (2008). *English today*.

- English Today*, 11(1), 3–8.
<https://doi.org/10.1017/S0266078400007999>
4. Dörnyei, Z. (1994). Motivation and motivating in the foreign language classroom. *Modern Language Journal*, 78, 273–284.
 5. Dörnyei, Z. (2005). *The psychology of the language learner: Individual differences in second language acquisition*. Lawrence Erlbaum Associates.
 6. Dörnyei, Z., & Csizer, K. (1998). Ten commandments for motivating language learners: Results of an empirical study. *Language Teaching Research*, 2, 203–229.
 7. Dörnyei, Z., & Ushioda, E. (2011). *Teaching and researching motivation*. Pearson Education Limited.
 8. Graddol, D. (2000). *The future of English?* The British Council.
 9. Johns, A. M., & Dudley-Evans, T. (1991). English for specific purposes: International in scope, specific in purpose. *TESOL Quarterly*, 25, 297–314.
<https://doi.org/10.2307/3587465>
 10. Juwah, C., Macfarlane-Dick, D., Matthew, B., Nicol, D., & Smith, B. (2004). *Enhancing student learning through effective formative feedback*. The Higher Education Academy.
http://www.heacademy.ac.uk/assets/York/documents/resources/resourcedatabase/id353_senlef_guide.pdf
 11. Kristmanson, P. (2000). Affect: In the second language classroom: How to create an emotional climate. *Réflexions*, 19(2), 1–6.
 12. Levine, G. S. (2003). Student and instructor beliefs and attitudes about target language use, first language use, and anxiety: Report of a questionnaire study. *The Modern Language Journal*, 87(3), 343–364.
<https://doi.org/10.1111/1540-4781.00195>
 13. Li, L. T. (2003). Carl Rogers and me: Revisiting teaching. *Thinking Classroom*, 4(2), 34–42.
 14. Liao, Y., Chen, Y., Chen, H., & Chang, Y. (2018). Infusing creative pedagogy into an English as a foreign language classroom: Learning performance, creativity, and motivation. *Thinking Skills and Creativity*, 29, 213–223.
<https://doi.org/10.1016/j.tsc.2018.05.007>
 15. Matsukawa, R., & Tachibana, Y. (1996). Junior high school students' motivation towards English learning: A cross-national comparison between Japan and China. *ARELE: Annual Review of English Language Education in Japan*, 7, 49–58.
 16. McQuaid, R. W., & Lindsay, C. (2005). The concept of employability. *Urban Studies*, 42(2), 197–219.
<https://doi.org/10.1080/0042098042000316100>
 17. Myers, S. A., Martin, M. M., & Mottet, T. P. (2002). Students' motives for communicating with their instructors: Considering instructor socio-communicative style, student socio-communicative orientation, and student gender. *Communication Education*, 51(2), 121–133.
<https://doi.org/10.1080/03634520216509>
 18. Paltridge, B., & Starfield, S. (Eds.). (2013). *The handbook of English for specific purposes*. Wiley Blackwell.
 19. Sadler, D. R. (1998). Formative assessment: Revisiting the territory. *Assessment in Education*, 5(1), 77–84.
<https://doi.org/10.1080/0969595980050104>
 20. Schmidt, R., & Watanabe, Y. (2001). Motivation, strategy use, and pedagogical preferences in foreign language learning. In Z. Dörnyei & R. Schmidt (Eds.), *Motivation and second language acquisition* (Technical Report No. 23, pp. 313–359). University of Hawaii, Second Language Teaching and Curriculum Center.
 21. Shaheen, A., Murtaza, N., & Saeed, M. (2016). Students' perceptions about motivating factors related to teachers' behavior at secondary school level. *Pakistan Journal of Educational Research and Evaluation*, 1(1), 15–27.
 22. White, C. (2007). Innovation and identity in distance language learning and teaching. *Innovation in Language Learning and Teaching*, 1, 97–110.